

Bản án số: 27/2018/DS-ST

Ngày: 12/6/2018.

V/v: “*Tranh chấp về
hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Huỳnh Trung Dũng**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Lương Thị Kim Vân**
Ông **Lê Đình Thủ**
- *Thư ký phiên toà:* Bà **Nguyễn Trần Ngọc Thảo** – Thư ký Tòa án.

Vào ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2018/QĐXXST-DS ngày 07/5/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Lê Thị Trúc M** - sinh năm 1965;
Địa chỉ: Tổ 1, ấp An Lạc, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Diễm Thu - sinh năm 1994;
Địa chỉ: Số 21, Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh - Đồng Tháp;
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Hà Xuân Phong – Thuộc Công ty Luật TNHH MTV Tuyên Thụy và Cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.
Địa chỉ: Số 21, Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh - Đồng Tháp;

- *Bi đơn:* **1. Trương Văn B** - sinh năm 1965,
2. Bùi Như Ph - sinh năm 1971;
Cùng địa chỉ: Số 201 đường Nguyễn Trãi, khóm Mỹ Thuận, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Thu và Luật sư Phong có mặt; ông B và bà Ph vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Chị Nguyễn Thị Diễm Thu đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Thị Trúc M trình bày: Năm 2007, vợ chồng ông B, bà Ph có vay của bà M 200.000.000đ để kinh doanh xây dựng; có làm biên nhận. Sau đó ông B, bà Ph không trả tiền cho bà M nên tháng 01/2008 được sự đồng ý của ông B, bà Ph thì bà M đến Ban quản lý dự án huyện Lấp Vò để thu một phần nợ được 65.000.000đ (do Ban quản lý dự án còn nợ tiền của ông B). Sau đó, bà M yêu cầu ông B làm lại biên nhận mượn tiền là 135.000.000đ và trả lại biên nhận mượn tiền 200.000.000đ cho ông B. Tiếp đó, nhiều lần bà M đến nhà đòi tiền nhưng ông B, bà Ph không trả.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu ông B và bà Ph liên đới trả số tiền vay gốc là 135.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên hòa giải bị đơn Trương Văn B trình bày: Ông thống nhất về việc vay tiền, số tiền vay như đại diện của nguyên đơn trình bày và hiện nay còn nợ bà M 135.000.000đ. Ông xác định mục đích vay tiền là để làm vốn kinh doanh xây dựng, tuy nhiên chỉ một mình ông đứng ra vay và chỉ một mình ông ký tên vào biên nhận nợ vay; ngoài ra, ông thừa nhận tại thời điểm vay cho đến nay thì giữa ông và bà Ph vẫn là vợ chồng và chung sống với nhau. Nay ông đồng ý một mình ông trả khoản nợ vay gốc là 135.000.000đ cho bà M, ông không yêu cầu vợ ông là bà Ph liên đới trả nợ với ông.

Bị đơn Bùi Như Ph đã được cấp tổng đạt thông báo, triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không tham gia hòa giải, phiên tòa xét xử và cũng không có văn bản ý kiến.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M trình bày: phía ông B, bà Ph còn nợ bà M 135.000.000đ là có thật; tại thời điểm vay tiền đến nay ông B và bà Ph là vợ chồng và sống chung với nhau; mục đích vay tiền của bị đơn là để phục vụ cho việc kinh doanh, phát triển kinh tế gia đình nên đây là nợ chung của vợ chồng ông B, bà Ph. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, buộc ông B, bà Ph liên đới trả 135.000.000đ.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Biên nhận nợ 135.000.000đ.

Các tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh, các bên đã thống nhất: Ông B thừa nhận có vay và còn nợ bà M 135.000.000đ.

Các tình tiết, sự kiện trong vụ án mà các đương sự không thống nhất: Vấn đề bà M yêu cầu bà Ph phải có nghĩa vụ liên đới với ông B trả nợ.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, xét thấy: căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vốn và lãi mà nguyên đơn cho rằng bị đơn đã vay của nguyên đơn và nay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời bị đơn có địa chỉ tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, xét thấy: căn cứ lời trình bày của nguyên, lời thừa nhận nợ của bị đơn khi giải quyết vụ án nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[4] Ngoài ra, tại phiên tòa, bị đơn Trương Văn B, Bùi Như Ph dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên

Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông B, bà Ph.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Trúc M, yêu cầu ông Trương Văn B và bà Bùi Như Ph phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc là 135.000.000đ, không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà M và đại diện hợp pháp của bà M cho rằng vào năm 2007, vợ chồng ông B, bà Ph có vay của bà M 200.000.000đ để kinh doanh xây dựng, có làm biên nhận; đến tháng 01/2008 ông B, bà Ph trả được 65.000.000đ thông qua việc bà M đến Ban quản lý dự án huyện Lấp Vò nhận 65.000.000đ do lúc đó Ban quản lý dự án còn nợ tiền của ông B, sau đó bà M yêu cầu ông B làm lại biên nhận với số tiền còn lại là 135.000.000đ và bà M trả lại biên nhận nợ 200.000.000đ trước đó cho ông B và từ đó đến nay phía ông B, bà Ph không có trả thêm khoản tiền nào cho bà M.

Xét thấy, lời trình bày của bà M cũng như đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M là phù hợp với chứng cứ mà bà M cung cấp, là biên nhận có ông B ký tên và viết họ tên với nội dung ông B có vay của bà M 135.000.000đ; mặt khác, ông B cũng thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho bà M 135.000.000đ theo như lời trình bày và yêu cầu của bà M, vì vậy, việc bà M yêu cầu ông B phải trả cho bà số tiền vay còn lại 135.000.000đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà M yêu cầu bà Ph, là vợ của ông B phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông B trả số tiền vốn vay còn lại 135.000.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Ph đã được Tòa án cấp tổng đạt thông báo, triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không tham gia hòa giải, phiên tòa xét xử và cũng không có văn bản ý kiến phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn. Ông B cũng thừa nhận tại thời điểm vay tiền cho đến nay thì giữa ông và bà Ph là vợ chồng và sống chung với nhau; mục đích vay tiền là để làm vốn kinh doanh xây dựng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là nợ chung của ông B, bà Ph do được hình thành trong thời kỳ hôn nhân và mục đích là để phục vụ cho sinh hoạt, phát triển kinh tế gia đình, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M về việc yêu cầu bà Ph phải có nghĩa vụ liên đới với ông B trả số tiền vay 135.000.000đ nói trên.

[6] Về tiền lãi, do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Trúc M, buộc ông Trương Văn B và bà Bùi Như Ph phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Trúc M số tiền vốn vay là 135.000.000đ.

[8] Về án phí, do yêu cầu của bà M được chấp nhận toàn bộ nên ông B và bà Ph phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Trúc M. Buộc ông Trương Văn B và bà Bùi Như Ph phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Trúc M số tiền vay là 135.000.000đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng phía người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trương Văn B và bà Bùi Như Ph phải liên đới chịu 6.750.000 đồng.

+ Bà Lê Thị Trúc M không phải chịu và được nhận lại 3.370.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04102 ngày 24/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND HCL;
- Chi cục THADS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Trung Dũng